**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐA NGHĨA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ**

- Xác định được nghĩa của từ đa nghĩa; nhận biết được nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ đa nghĩa.

          - Biết tra từ điển tiếng Việt để tìm nghĩa của từ đa nghĩa; đặt được câu để phân biệt nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ đa nghĩa.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết hợp tác với bạn để tìm từ đa nghĩa, tìm hiểu nghĩa của những từ đói); NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: chỉ ra từ đa nghĩa; đặt câu với từ đa nghĩa).

- Phát triển PC chăm chỉ, trách nhiệm : Bồi dưỡng ý thức ham học, ham tìm hiểu; hình thành thói quen thận trọng, cân nhắc khi sử dụng từ ngữ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

– GV chuẩn bị: Máy tính, máy chiếu; phiếu học tập cho HS.

– HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập một; *Sổ tay từ ngữ Tiếng Việt 5* (NXB ĐHSP TPHCM) hoặc từ điển tiếng Việt; *Vở bài tập* *Tiếng Việt 5*, tập một hoặc vở viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| - Tổ chức TC *“Gọi thuyền”* để ôn lại kiến thức về từ đa nghĩa đã học ở những tiết trước.  - Cách chơi:  + GV hô “gọi thuyền... gọi thuyền...”  + HS: Thuyền ai? thuyền ai?  + Thuyền .... (tên HS)  CH1: Thế nào là từ đa nghĩa ?  CH2: Đặt câu có từ đa nghĩa “ tay”  - Nhận xét, GTB: Tuần trước, các em đã biết thế nào là từ đa nghĩa, thế nào là nghĩa gốc, nghĩa chuyển và lấy được một số ví dụ về từ đa nghĩa. Hôm nay, cô (thầy) sẽ hướng dẫn các em tiếp tục luyện tập nhận biết từ đa nghĩa, nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ đa nghĩa; sau đó, các em sẽ đặt câu để phân biệt nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ đa nghĩa. | - Học sinh chơi trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên. |
| **B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP THỰC HÀNH**  **Mục tiêu:**  - Giúp học sinh hiểu được thế nào là từ đa nghĩa, nhận ra các từ đa nghĩa trong đoạn văn.  - Biết đặt câu có từ đa nghĩa. | |
| Hoạt động 1:Tìm ở bên B lời giải nghĩa thích hợp cho từ “đầu” trong mỗi câu ở bên A (BT 1)  **Cách tiến hành:**  – GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1.  – GV sử dụng SGK điện tử TV5, chiếu bài tập và cho HS chơi trò chơi hái quả bằng cách dùng chuột lôi quả từ trên cây vào từng nhóm có từ trong câu ở cột A với lời giải nghĩa thích hợp ở cột B. Có thể chia lớp thành 3 đội, chơi 3 lần có tính thời gian. Sau khi mỗi đội hoàn thành việc chơi, GV chụp kết quả bài làm, ghi giờ và cho đội khác chơi, sau đó chiếu kết quả cả 3 đội lên để lớp nhận xét và đánh giá thắng thua. (Nếu không có máy tính, máy chiếu, GV có thể cho HS gắn thẻ từ hoặc tổ chức hình thức hoạt động khác.)  - GV nhận xét, chốt đáp án đúng: a – 4; b – 1; c – 2; d – 3.  Hoạt động 2:  Cho biết từ “đầu” trong câu nào được dùng với nghĩa gốc (BT 2)  **Cách tiến hành:**  - GV cho học sinh đọc yêu cầu bài tập 2.  -  GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm (mỗi nhóm 2 – 4 HS).  - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả.  - GV nhận xét, chốt đáp án đúng:  Từ ***đầu***trong câu a) ở BT 1 được dùng với nghĩa gốc; ở các câu khác, từ ***đầu***được dùng với nghĩa chuyển.  Hoạt động 3:  Tra từ điển, tìm nghĩa của một trong các từ: *cây*, *xinh*, *ăn*; giải thích vì sao em biết đó là các từ đa nghĩa; tìm nghĩa gốc, nghĩa chuyển của mỗi từ đa nghĩa đó (BT 3)  - GV mời 1 HS đọc BT 3. Cả lớp đọc thầm theo.  - HS làm việc theo nhóm: Mỗi HS tra từ điển, tìm hiểu nghĩa của một từ (do các em chọn hoặc được các bạn trong nhóm phân công); nhận xét về cách sắp xếp các nghĩa của từ trong từ điển (Nghĩa đầu được nêu đầu tiên là nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?). Các HS tra nghĩa của cùng một từ có thể làm việc chung. HS ghi lại kết quả làm việc và trao đổi với các bạn trong nhóm.  - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả tra cứu (có thể tổ chức cho HS báo cáo bằng trò chơi *Ai nhanh, ai đúng?*: GV hoặc quản trò đọc nhanh một từ, các nhóm giơ tay / giơ thẻ để giành quyền trả lời).  - GV nhận xét, chốt đáp án đúng.  \* Sau đây là một số nghĩa của mỗi từ *cây*, *xinh*, *ăn*:  + ***Cây***:  \*Thực vật có thân, lá rõ rệt, hoặc vật có hình thù giống những thực vật có thân, lá. VD: *cây tre*, *cây nấm*; *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây* (tục ngữ).  \* Từ dùng để chỉ từng đơn vị riêng lẻ thuộc loại vật có hình như cây. VD: *cây cột*, *cây nến*, *cây rơm*.  \* Gỗ. VD: *mua cây làm bàn ghế*.  \*Từ dùng để chỉ người thông thạo đặc biệt về một mặt nào đó trong sinh hoạt, trong cuộc sống. VD: *cây kể chuyện*, *cây văn nghệ*.  \*Cây số (nói tắt tên gọi thông thường của ki-lô-mét). VD: *Còn ba cây nữa là đến nơi*.  \*Lạng (vàng). VD: *một cây vàng*.  + ***Xinh***:  \*Có hình dáng và những đường nét rất dễ coi, ưa nhìn (thường nói về trẻ em, phụ nữ trẻ). VD: *Em bé rất xinh*.  Có hình dáng nhỏ nhắn, thanh thoát, trông thích mắt. VD: *Ngôi nhà xinh*; *Cây bút rất xinh*.  *+* ***Ăn***:  Tự cho vào cơ thể thức ăn nuôi sống. VD: *ăn cơm.*  Ăn uống nhân dịp gì. VD: *ăn cưới*, *ăn liên hoan*.  (Máy móc, phương tiện vận tải) tiếp nhận cái cần thiết cho sự hoạt động. VD:  *xe ăn xăng*.  Nhận lấy để hưởng. VD: *ăn lương tháng*.  Phải nhận lấy, chịu lấy (cái không hay, hàm ý mỉa mai). VD: *ăn đòn*.  Giành về mình phần hơn, phần thắng (trong cuộc thi đấu). VD: *ăn quân xe*.  Hấp thu cho thấm vào, nhiễm vào trong bản thân. VD: *Da ăn nắng*.  Gắn, dính chặt vào nhau, khớp với nhau. VD: *Hồ dán không ăn*; *Phanh (thắng) xe không ăn*.  Hợp với nhau, tạo nên một cái gì hài hoà. VD: *Hai màu rất ăn với nhau*; *Người ăn ảnh.*  Làm tiêu hao, huỷ hoại dần dần từng phần. VD: *Sương muối ăn bạc trắng cả lá*.  Lan ra hoặc hướng đến nơi nào đó. VD: *Rễ cây ăn sâu vào lòng đất*.  Là một phần ở ngoài phụ vào; thuộc về. VD: *Đám đất này ăn vào xã bên*.  (Đơn vị tiền tệ, đo lường) có thể đổi ngang giá. VD: *Một đô la ăn mất nghìn đồng Việt Nam.*  – GV giải thích cho HS hiểu:  + Khi tra từ điển, ta biết *cây*, *xinh*, *ăn* là từ đa nghĩa, vì từ điển liệt kê nhiều nghĩa của những từ ấy; các nghĩa của mỗi từ được đánh số thứ tự và có mối liên hệ với nhau.  + Nghĩa đầu tiên của từ được nêu trong từ điển là nghĩa gốc, các nghĩa sau đó là nghĩa chuyển.  Hoạt động 4: Đặt 2 câu để phân biệt nghĩa gốc, nghĩa chuyển của một trong những từ đa nghĩa ở BT 3 (BT 4)  - GV yêu cầu HS đọc BT 4.  - GV: Như vậy, có những từ có nghĩa giống nhau nhưng không thay thế cho nhau được. Khi dùng những từ này, ta cần cân nhắc để lựa chọn được từ phù hợp.  - GV nhận xét;  chữa bài (nếu hs làm chưa đúng). | - Học sinh đọc yêu cầu của bài tập.  - Thực hiện hoạt động theo hướng dẫn của giáo viên.  -  Kết quả:  a – 4; b – 1; c – 2; d – 3.    1 – 2 HS đọc BT 2. Cả lớp đọc thầm theo.  - Đại diện nhóm báo cáo  - Các HS khác nhận xét, góp ý.    - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả  - Các HS / nhóm khác nhận xét, góp ý.    - 1 HS đọc BT 4. Cả lớp đọc thầm theo.  - HS làm việc cá nhân: đặt câu vào VBT. VD:  + ***Cây***:  *\*Bạn Thắng là cây hài của lớp tôi.* (Từ ***cây*** được dùng với nghĩa chuyển.)  *\* Sân trường tôi lúc nào cũng rợp mát bóng cây.* (Từ ***cây*** được dùng với nghĩa gốc.)  + ***Xinh***:  *Em bé của tôi rất xinh.* (Từ ***xinh*** được dùng với nghĩa gốc.)  *Mẹ mua cho Thanh một chiếc cặp tóc rất xinh.* (Từ ***xinh*** được dùng với nghĩa chuyển.)  + ***Ăn***:  *Lúc chơi cờ, em bị đối thủ ăn mất quân tượng.* (Từ ***ăn*** được dùng với nghĩa chuyển.)  *Em rất thích ăn trái cây.* (Từ ***ăn*** được dùng với nghĩa gốc.)  - Một số HS phát biểu ý kiến (GV chiếu bài của HS, nếu có điều kiện).  - HS nhận xét; HS chữa bài . |
| **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| \*Vận dụng: Nối tiếp đặt câu có từ đa nghĩa mà nghĩa gốc chỉ các bộ phận trên cơ thể người.  **- GV dặn HS tiếp tục tìm hiểu về các từ đa nghĩa và luyện viết câu với các từ đa nghĩa.** | - HS thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................